

Bản án số: **01/2025/KDTM-ST**

Ngày 25 - 7 - 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thịnh và bà Võ Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại phòng xét xử (cơ sở 2), Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2024/TLST- KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2025/QĐXXST- KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST - KDTM ngày 27 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần dịch vụ thương mại H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Anh T3 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ mới: Thôn T, phường H, tỉnh Lâm Đồng

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP phát triển TP. H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H1 – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ.

Địa chỉ mới: Số 25 Bis, đường N, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Đức M – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ mới: Số 69, đường P, phường X, thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ T.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Ngọc H - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Địa chỉ mới: Thôn 2, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc C. Chức vụ: Phó Giám đốc.

Địa chỉ: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ mới: Khu phố T, phường B, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt (Có đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng TMCP phát triển TP. H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H1 – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Huỳnh Thị Yến P – Chức vụ: Chuyên viên QHKH.

Địa chỉ: Số 354, đường T, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Địa chỉ mới: Số 354, đường T, phường B, tỉnh Lâm Đồng – Có mặt.

+ Ông Vũ Đại T, sinh năm 1981; bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1986; chị Vũ Thị Ngọc T1, sinh năm 2002; chị Vũ Thị Ngọc T2, sinh năm 2005 và Vũ Đại C, sinh năm 2007.

Người đại diện theo pháp luật cho anh C: Ông Vũ Đại T, bà Nguyễn Thị Ngọc D (là bố mẹ ruột của anh C).

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ mới: Thôn 2 Minh Hưng, xã B, tỉnh Đồng Nai – Điều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại H (gọi tắt là Công ty H) có thỏa thuận với Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (gọi tắt là Ngân hàng) để mua lại khoản nợ của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T (gọi tắt là Công ty T) đang nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 5.000.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 10922/23MN/HĐTD ngày 26/4/2023 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10922/23MN/HĐTD/PL01 ngày 11/9/2023 tại Hợp đồng mua bán nợ số: 138.03/2024/HĐMBN/HDB-HNV ngày 29/3/2024 giữa Ngân hàng TMCP phát triển

thành phố H với Công ty cổ phần dịch vụ thương mại H.

Theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng với Công ty T thì Ngân hàng cho Công ty T vay số tiền là 5.000.000.000đ, ngày giải ngân là 21/9/2023, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất tỏa thuận là 10,4%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh.

Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty T mới trả được 248.778.936 đồng tiền gốc và 223.326.697 đồng tiền lãi, còn nợ số tiền gốc là 4.751.221064 đồng. Hiện đã quá thời hạn vay nhưng Ngân hàng và Công ty H đã đôn đốc Công ty T trả nợ nhiều lần nhưng Công ty T vẫn không trả số tiền gốc còn nợ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Khi Công ty T vay tại Ngân hàng số tiền gốc là 5.000.000.000đ, ông T, bà D, chị T1, chị T2, anh C có được dùng tài sản là các Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận QSD đất và tài sản khác gắn liền trên đất số AP 405062 và Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BH 297629 để thế chấp cho khoản vay trên theo 02 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ vay cho người khác số 17367/23/MN/HĐBĐ ngày 18/9/2023 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ vay cho người khác số 17665/23/MN/HĐBĐ ngày 18/9/2023.

Nay, đề nghị Tòa án buộc Công ty T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty H tổng số tiền gốc và lãi suất còn nợ theo Hợp đồng tín dụng 10922/23MN/HĐTD ngày 26/4/2023 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10922/23MN/HĐTD/PL01 ngày 11/9/2023, cụ thể số tiền gốc là 4.751.221064 đồng và lãi 789.926.300 đồng, tạm tính đến ngày 25/7/2025 và tiếp tục trả số tiền lãi còn lại theo hợp đồng tín dụng đến khi trả nợ xong.

Nếu Công ty T không trả các khoản nợ trên cho công ty H thì Công ty H có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi các tài sản đang thế chấp theo 02 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ vay cho người khác số 17367/23/MN/HĐBĐ ngày 18/9/2023 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ vay cho người khác số 17665/23/MN/HĐBĐ ngày 18/9/2023.

Ngoài ra, khi Công ty T vay số tiền trên thì bà Nguyễn Ngọc H có ký kết Văn bản cam kết bảo lãnh trong trường hợp Công ty T không có trả nợ hay trả nợ không đầy đủ thì bà Nguyễn Ngọc H phải trả nợ thay cho Công ty T. Do vậy, đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Ngọc H phải trả nợ thay cho Công ty T theo nội dung Văn bản cam kết bảo lãnh ngày 26/4/2023.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T (gọi tắt là Công ty T) có vay tại Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền nợ gốc là 5.000.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 10922/23MN/HĐTD ngày 26/4/2023 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10922/23MN/HĐTD/PL01 ngày 11/9/2023 vay số tiền là 5.000.000.000đ, ngày giải ngân là 21/9/2023, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất tỏa thuận là 10,4%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh.

Tài sản thế chấp gồm: Khi Công ty T vay số tiền trên ông T, bà D, chị T1, chị T2, anh C có được dùng tài sản là các Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận QSD đất và tài sản khác gắn liền trên đất số AP 405062 và Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BH 297629 để thế chấp cho khoản vay trên theo 02 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ vay cho người khác số 17367/23/MN/HĐBĐ ngày 18/9/2023 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ vay cho người khác số 17665/23/MN/HĐBĐ ngày 18/9/2023.

Sau khi Ngân hàng giải ngân tiền thì Công ty T đã giao cho vợ chồng ông T sử dụng số tiền vay để làm ăn riêng. Vợ chồng ông T có cam kết trả tiền lãi và gốc khi đến hạn nhưng vẫn không trả nên Công ty đã phải trả cho Ngân hàng được một khoản tiền gốc và lãi. Hiện nay chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 4.751.221.064 đồng.

Đối với khoản nợ này Ngân hàng đã bán nợ cho Công ty H, Công ty T không có ý kiến gì vẫn đồng ý trả số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho Công ty H. Trường hợp Công ty không trả được khoản tiền gốc đã vay và tiền lãi thì Công ty H có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Công ty T không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H trình bày:

Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ H. Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H không có ý kiến và yêu cầu gì thêm vì các khoản vay của Công ty T thì Ngân hàng đã bán nợ cho Công ty H. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giả quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đại T, bà Nguyễn Thị Ngọc D, chị Vũ Thị Ngọc T1, chị Vũ Thị Ngọc T2, và anh Vũ Đại C dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tại phiên tòa:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 275, Điều 280, Điều 292, Điều 293, Điều 299, Điều 301, Điều 307, Điều 320, Điều 323 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần dịch vụ thương mại H đối với Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T.

- Buộc Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T phải trả cho Công ty cổ phần dịch vụ thương mại H tổng số tiền là 5.541.147.364 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc là 4.751.221.064 đồng và tiền lãi là 789.926.300 đồng, tính đến ngày 25/7/2025 và tiếp tục phải chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 10922/23MN/HĐTD ngày 26/4/2023 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10922/23MN/HĐTD/PL01 ngày 11/9/2023 kể từ ngày 26/7/2025 đến khi trả nợ xong.

- Trong trường hợp Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần dịch vụ thương mại H có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ vay cho người khác số 17367/23/MN/HĐBĐ ngày 18/9/2023 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ vay cho người khác số 17665/23/MN/HĐBĐ ngày 18/9/2023 để thu hồi nợ.

- Trong trường hợp Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà Nguyễn Ngọc Huyền phải trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T theo nội dung Văn bản cam kết bảo lãnh ngày 26/4/2023.

Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T phải hoàn trả cho Công ty cổ phần dịch vụ thương mại H số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty cổ phần thương mại dịch vụ H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Công ty TNHH thương mại dịch vụ T có địa chỉ tại thôn 2, xã Đắc Búk So, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (Nay là thôn 2, xã Tuy Đức,

tỉnh Lâm Đồng). Như vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đại T, bà Nguyễn Thị Ngọc D, chị Vũ Thị Ngọc T1, chị Vũ Thị Ngọc T2, và anh Vũ Đại C vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần dịch vụ thương mại H đối với số tiền gốc và tiền lãi suất: Công ty TNHH thương mại dịch vụ T có vay Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H số tiền gốc là 5.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 10922/23MN/HĐTD ngày 26/4/2023 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10922/23MN/HĐTD/PL01 ngày 11/9/2023. Thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất tảo thuận là 10,4%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Tuy Đức đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết đến thời hạn trả nợ nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 29/3/2024 Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ số: 138.03/2024/HĐMBN/HDB-HNV với Công ty cổ phần dịch vụ thương mại Hồng Ngọc Việt về việc bán toàn bộ khoản vay của Công ty T cho Công ty H.

Từ khi vay đến nay, Công ty T mới trả được 248.778.936 đồng tiền gốc và 223.326.697 đồng tiền lãi. Số tiền gốc còn lại và lãi phát sinh Công ty T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng. Tính đến ngày 25/7/2025, Công ty T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 5.541.147.364 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 4.751.221.064 đồng và tiền lãi là 789.926.300 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đồng ý trả số tiền gốc và lãi nhưng hiện đang khó khăn nên chưa có tiền để trả. Do vậy, cần buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, việc Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty T phải trả tổng số tiền là 5.541.147.364 đồng. Trong đó nợ số tiền gốc là 4.751.221.064 đồng và nợ tiền lãi là 789.926.300 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 10922/23MN/HĐTD ngày 26/4/2023 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10922/23MN/HĐTD/PL01 ngày 11/9/2023, tạm tính đến ngày 25/7/2025 và tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 26/7/2025 đến khi trả nợ xong là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Trong quá trình Công ty T vay vốn, vợ chồng ông T, bà D và các con có bảo lãnh, thế chấp 02 thửa đất để bảo lãnh khoản vay

của Công ty T gồm Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận QSD đất và tài sản khác gắn liền trên đất số AP 405062 và Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BH 297629 để thế chấp cho khoản vay trên theo 02 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ vay cho người khác số 17367/23/MN/HĐBĐ ngày 18/9/2023 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ vay cho người khác số 17665/23/MN/HĐBĐ ngày 18/9/2023. Các bên có thỏa thuận trong trường hợp Công ty Tuy Đức không trả được khoản vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản đã thế chấp trên để thu hồi nợ. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện 02 thửa đất thế chấp trên hiện gia đình ông Thắng đang quản lý, sử dụng. Sơ đồ, vị trí ngoài thực địa trùng khớp với sơ đồ vị trí trên bản đồ giải thửa (2005). Do vậy, trong trường hợp Công ty Tuy Đức không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Hồng Ngọc Việt có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo nêu trên để thu hồi nợ là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ bảo lãnh: Tại văn bản cam kết bảo lãnh ngày 26/4/2023 thì bên bảo lãnh bà Nguyễn Ngọc H là Giám đốc Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T đã chấp nhận bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ T đối với các khoản vay tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 10922/23MN/HĐTD ngày 26/4/2023 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10922/23MN/HĐTD/PL01 ngày 11/9/2023. Cụ thể: *“Bên bảo lãnh đồng ý trả nợ thay trong trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ đúng các nghĩa vụ được bảo lãnh ...”*. Như vậy, trong trường hợp Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết thì bà Nguyễn Ngọc H phải trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T theo nội dung Văn bản cam kết bảo lãnh ngày 26/4/2023 là có căn cứ.

[6] Về chi phí tố tụng: Bị đơn Công ty T phải chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này nên cần buộc bị đơn Công ty Tuy Đức phải trả lại cho nguyên đơn Công ty H số tiền 3.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H được chấp nhận nên bị đơn Công ty T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Công ty Hồng Ngọc Việt được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 275, Điều 280, Điều 292, Điều 293, Điều 299, Điều 301, Điều 307, Điều 320, Điều 323 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần dịch vụ thương mại H đối với Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T.

1.1. Buộc Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T phải trả cho Công ty cổ phần dịch vụ thương mại H tổng số tiền là 5.541.147.364 đồng (*Năm tỷ năm trăm bốn mươi một triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng*). Trong đó số tiền nợ gốc là 4.751.221.064 đồng (*Bốn tỷ bảy trăm năm mươi một triệu hai trăm hai mươi một nghìn không trăm sáu mươi tư đồng*) và tiền lãi là 789.926.300 đồng (*Bảy trăm tám mươi chín triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm đồng*), tính đến ngày 25/7/2025 và tiếp tục phải chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 10922/23MN/HĐTD ngày 26/4/2023 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10922/23MN/HĐTD/PL01 ngày 11/9/2023 kể từ ngày 26/7/2025 đến khi trả nợ xong.

1.2. Trong trường hợp Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần dịch vụ thương mại H có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ vay cho người khác số 17367/23/MN/HĐBĐ ngày 18/9/2023 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ vay cho người khác số 17665/23/MN/HĐBĐ ngày 18/9/2023 để thu hồi nợ.

1.3. Trong trường hợp Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà Nguyễn Ngọc Huyền phải trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T theo nội dung Văn bản cam kết bảo lãnh ngày 26/4/2023.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T phải hoàn trả cho Công ty cổ phần dịch vụ thương mại H số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T phải nộp 113.541.000 đồng (*Một trăm mười ba triệu năm trăm bốn mươi một nghìn đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty cổ phần dịch vụ thương mại H số tiền 56.383.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007930 ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (*Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng*).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND KV7 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

(đã ký và đóng dấu)

Nông Văn Nhu